

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: **84/2023/DS-ST**

Ngày 25-05-2023

V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoài Phương**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Đỗ Thị Sỹ Long**

Bà **Ngô Thùy Linh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thanh Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2023/TLST-DS ngày 03/03/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-DS ngày 19/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-HPT ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng M**. Trụ sở chính: 54A T, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Hoàng L** - Chức vụ: Tổng Giám Đốc; Đại diện theo ủy quyền: Ông **Bùi Đức Q**; Đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Bà **Nguyễn Thị Hà T** (Theo văn bản ủy quyền số 4479/2023/GUQ – TGD12 ngày 25/05/2023). (Bà T có mặt)

- Bị đơn: Ông **Trịnh Đình H**, Sinh năm: 1981; Địa chỉ thường trú: Căn hộ 401, thuộc Tầng 4, số nhà 300, đường Đ, thôn M, phường Đ, quận L, thành phố Hà Nội. (Ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/10/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn - Ngân hàng M trình bày: Ngày 27/07/2015, Ngân hàng M - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Quán Thánh (gọi tắt là Ngân hàng MSB) và ông **Trịnh Đình H** giao kết Hợp đồng cho vay số QTH015/2015/HĐCV với số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Theo đó, Ngân hàng MSB đã giải ngân cho ông **Trịnh Đình H** theo Khế ước nhận nợ số QTH015.1/2015/CVCN ngày 27/07/2015 với số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Cụ thể: Thời hạn vay:

60 tháng. Từ ngày 27/07/2015 đến ngày 27/07/2020. Phương thức cho vay: Chuyển khoản. Lãi suất vay: 17%/năm, tính trên dư nợ thực tế và được điều chỉnh theo Thông báo của MSB. Lãi quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay thông thường trong hạn từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Mục đích vay: Mua sắm đồ gia dụng. Lịch trả nợ gốc và lãi: Nợ gốc và lãi trả đều (cố định) hàng tháng, tính trên dư nợ thực tế. Số kỳ trả gốc: 60 kỳ. Ngày trả nợ gốc lần đầu tiên vào ngày 06/09/2015. Các kỳ tiếp theo được trả 01 tháng/lần vào ngày 06 hàng tháng. Số tiền gốc phải trả mỗi kỳ: 4.970.515 đồng, kỳ cuối trả toàn bộ số tiền gốc và lãi còn lại. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trịnh Đình H đã trả được 75.974.922 đồng nợ gốc và lãi 73.182.838 đồng; lãi quá hạn: 142.984 đồng. Tổng nợ cả gốc và lãi là 149.300.744 đồng; ông H trả bằng hình thức tự nộp vào tài khoản. Sau đó, ông Trịnh Đình H đã không thực hiện việc trả nợ gốc, lãi đúng cam kết dẫn đến khoản vay bị quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng MSB đã đôn đốc, tạo điều kiện nhiều lần để ông Trịnh Đình H trả nợ nhưng ông Trịnh Đình H vẫn cố tình vi phạm, không thực hiện theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký.

Tạm tính đến ngày 25/5/2023 ông Trịnh Đình H còn nợ Ngân hàng MSB tổng số tiền: **277,339,210** đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 124.025.078 đồng
- Nợ lãi : 113,285,606 đồng
- Nợ lãi quá hạn : 40,028,526 đồng

*** Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn - ông Trịnh Đình H không đến Tòa án theo giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo yêu cầu giao nộp văn bản ý kiến trình bày quan điểm, cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ.**

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập được các thông tin về bị đơn như sau:

Xác minh tại Công an phường Mỹ Đình 1 thì ông Trịnh Đình H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Căn hộ 401, thuộc Tầng 4, số nhà 300, Đường Mỹ Đình, Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ông H không còn ăn ở sinh sống tại địa chỉ trên từ năm 2015 và hiện nay không xác định được nơi cư trú.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn - Ngân hàng M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xét xử:

Buộc ông Trịnh Đình H thanh toán số nợ gốc lãi là 277,339,210 đồng, trong đó nợ gốc là: 124.025.078 đồng, nợ lãi: 113,285,606 đồng; nợ lãi quá hạn: 40,028,526 đồng.

Kể từ ngày 26/5/2023, ông Trịnh Đình H còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng M.

**** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Việc thu thập chứng cứ, xác định tư cách đương sự, gửi các văn bản tố tụng cho đương sự, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định; về thời hạn chuẩn bị xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều đã được tổng đạt niêm yết hợp lệ về phiên tòa nên việc Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 72, Điều 73, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng M về việc buộc ông Trịnh Đình H thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng và lãi theo quy định của pháp luật.

Ông Trịnh Đình H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp hợp đồng tín dụng xảy ra giữa Ngân hàng M và ông Trịnh Đình H là tranh chấp giữa một bên doanh nghiệp có tư cách pháp nhân với một bên là cá nhân vay với mục đích tiêu dùng nên xác định tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại mục 3 Điều 13 của Hợp đồng tín dụng quy định khi xảy ra tranh chấp thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền nơi có trụ sở của bên A - Ngân hàng M – Chi nhánh Hà Nội – Phòng giao dịch Quán Thánh có trụ sở tại 69 phố Quán Thánh, phường Quán Thánh, Ba Đình, thành phố Hà Nội giải quyết. Do vậy, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự là có căn cứ.

[2] Về tố tụng :

Toà án đã tổng đạt hợp lệ, niêm yết giấy triệu tập đến phiên toà lần thứ 2 cho bị đơn – ông Trịnh Đình H nhưng tại phiên tòa hôm nay ông H vắng mặt; Căn cứ điểm e

khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ – HĐTP ngày 5/5/2017 hướng dẫn quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; Hội đồng xét xử xác định đây thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Thực tế, nơi cư trú cuối cùng của ông Trịnh Đình H tại Căn hộ 401, thuộc Tầng 4, số nhà 300, Đường Mỹ Đình, Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, đã được Tòa án thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy báo, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho ông Trịnh Đình H tại nơi cư trú cuối cùng là căn hộ 401, thuộc Tầng 4, số nhà 300, Đường Mỹ Đình, Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đình 1 và tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn – ông Trịnh Đình H không có mặt không đưa ra yêu cầu phản tố nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Căn cứ Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự, ngày 22/03/2023, Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã ra Thông báo số 18/2023/TB-TA yêu cầu ông Trịnh Đình H có mặt trước ngày 15/04/2023 tại Tòa án để làm việc. Nguyên đơn - Ngân hàng M đã thực hiện đăng tin theo trình tự thủ tục đối với bị đơn – ông Trịnh Đình H theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1]. Xét Hợp đồng cho vay số QTH015/2015/HĐCV ngày 27/07/2015 và Khế ước nhận nợ số QTH015.1/2015/CVCN ngày 27/07/2015 đều được ký kết bởi đại diện hợp pháp của Ngân hàng M - Chi nhánh Quán Thánh với ông Trịnh Đình H trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận của các bên, có mục đích và nội dung, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có giá trị thi hành.

Quá trình thực hiện Hợp đồng cho vay, Ngân hàng M đã giải ngân số tiền 200.000.000 đồng cho ông Trịnh Đình H theo khế ước nhận nợ. Quá trình vay, ông Trịnh Đình H đã trả nợ cho Ngân hàng M được 75.974.922 đồng nợ gốc và lãi 73.182.838 đồng; lãi quá hạn: 142.984 đồng. Tổng nợ cả gốc và lãi là 149.300.744 đồng. Sau đó, ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 6/3/2018. Ngân hàng M yêu cầu ông H phải thanh toán số nợ gốc còn lại tính đến ngày 25/5/2023 là 124.025.078 đồng là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông Trịnh Đình H phải trả cho Ngân hàng M khoản nợ gốc tính đến ngày 25/5/2023 là 124.025.078 đồng.

[3.2]. Xét về lãi suất mà hai bên thỏa thuận theo Hợp đồng cho vay số QTH015/2015/HĐCV và Khế ước nhận nợ số QTH015.1/2015/CVCN ngày

27/07/2015.

Xét theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, đối với các hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01/7/2019 thì bên vay phải chịu: lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả và lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

Do đó, đối chiếu với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất thấy: Theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*. Tại Điều 11 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước v/v ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng quy định: *“Mức lãi suất cho vay do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”*. Theo Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn về tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng có quy định: *“Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển và đời sống có hiệu quả”*. Xét thấy căn cứ trên bản kê tính lãi của nguyên đơn xuất trình tại phiên tòa, lãi suất để tính lãi phát sinh phù hợp với quy định của pháp luật; về lãi quá hạn, các bên thỏa thuận bằng 150% lãi trong hạn là phù hợp với khoản 2 Điều 11 Quy chế cho vay 1627 nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ các căn cứ về việc điều chỉnh lãi suất, phù hợp với quy định của pháp luật Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu đòi lãi của nguyên đơn.

Buộc ông Trịnh Đình H phải thanh toán nợ lãi trong hạn cho Ngân hàng M khoản nợ gốc tính đến ngày 25/5/2023: cụ thể: nợ lãi trong hạn: 113,285,606 đồng và nợ lãi quá hạn: 40,028,526 đồng.

[3.3]. Như vậy, buộc ông Trịnh Đình H phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng M tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/5/2023 là: **277,339,210 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm mười đồng)**, trong đó nợ gốc là: 124.025.078 đồng, nợ lãi: 113,285,606 đồng; nợ lãi quá hạn: 40,028,526 đồng.

[3.4]. Kể từ ngày 26/5/2023 ông Trịnh Đình H còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng M.

[4] Về án phí:

Do nguyên đơn Ngân hàng M được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Trịnh Đình H phải chịu án phí 13,866,961 đồng tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 277,339,210 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 351, Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật lãi, lãi suất và phạt vi phạm.

- Căn cứ khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của Ngân hàng M đối với ông Trịnh Đình H.

2. Buộc ông Trịnh Đình H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng M theo Hợp đồng cho vay số QTH015/2015/HĐCV và Khế ước nhận nợ số QTH015.1/2015/CVCN ngày 27/07/2015.

Tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 25/5/2023 là: **277,339,210 đồng (Hai trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn, hai trăm mười đồng)**, trong đó nợ gốc là: 124.025.078 đồng, nợ lãi: 113,285,606 đồng; nợ lãi quá hạn: 40,028,526 đồng.

Kể từ ngày 26/5/2023 ông Trịnh Đình H còn phải chịu lãi suất phát sinh trên dư nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định tại Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng M.

Trường hợp Ngân hàng M có sự điều chỉnh mức lãi suất cho vay định kỳ theo quy định của Ngân hàng thì lãi suất mà ông Trịnh Đình H phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng M.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận

việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trịnh Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 13,866,961 đồng (Mười ba triệu, tám trăm sáu mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi đồng).

- Ngân hàng M được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 6.645.000 đồng (Sáu triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0002999 ngày 21/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình, Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn – ông Trịnh Đình H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố HN;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND Q.Ba Đình;
- Chi cục Thi hành án Ba Đình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Phương